

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ QUYẾT THẮNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/TB-UBND

*Xã Quyết Thắng, ngày 10 tháng 01 năm 2023*

**THÔNG BÁO**

**Về việc niêm yết công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách  
Xã Quyết Thắng năm 2022**

Căn cứ Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND Xã Quyết Thắng Thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2022 như sau:

**1. Nội dung niêm yết công khai**

- Cân đối thu chi ngân sách xã năm 2022 (Biểu số 113)
- Ước thực hiện thu ngân sách xã năm 2022 (Biểu số 114)
- Ước thực hiện chi ngân sách xã năm 2022 (Biểu số 115)

**2. Hình thức công khai**

- Niêm yết công khai tại trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường;
- Thông báo bằng văn bản cho phòng Tài chính kế hoạch thành phố Thái Nguyên, thường trực Đảng ủy, HĐND, UB MTTQ, các tổ chức chính trị xã hội và tổ trưởng các tổ dân phố trong xã;
- Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Xã Quyết Thắng

**3. Thời gian công khai:** 30 ngày liên tục kể từ ngày 10/01/2023 đến hết ngày 09/02/2023.

Trong thời gian niêm yết các ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội và các cá nhân có ý kiến phản ánh bằng văn bản gửi về văn phòng UBND Xã Quyết Thắng.

Vậy UBND Xã Quyết Thắng thông báo tới toàn thể nhân dân được biết, đến tại trụ sở UBND xã để xem niêm yết công khai thu chi ngân sách phường năm 2022 theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Phòng TC-KH thành phố TN;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- MTTQ xã;
- Các tổ chức chính trị xã;
- Trụ sở UBND xã;
- Các xóm;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Huy Hòa**



**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)**

**Năm 2022**

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3
<b>I</b>	<b>Tổng số thu</b>	<b>28.369.360.760</b>	<b>28.354.508.973</b>	<b>99,95</b>
1.	Các khoản thu 100%	105.000.000	453.794.250	432,19
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.670.000.000	2.255.300.574	135,05
3.	Thu chuyển nguồn	24.379.240.849	24.379.240.849	100
4.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	1.266.173.300	1.266.173.300	100
	- Bổ sung cân đối ngân sách	697.249.000	697.249.000	100
	- Bổ sung có mục tiêu	568.924.300	568.924.300	100
<b>II.</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>10.826.443.803</b>	<b>11.095.013.520</b>	<b>102,48</b>
1.	Chi đầu tư phát triển	5.854.194.803	5.854.194.803	100
2.	Chi thường xuyên	4.972.249.000	5.240.818.717	105,4
3.	Dự phòng	98.944.000		



**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ**

Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
<b>Tổng số thu</b>	<b>48.044.360.760</b>	<b>30.869.360.760</b>	<b>49.334.359.013</b>	<b>32.511.257.902</b>	<b>103</b>	<b>105</b>
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	<b>105.000.000</b>	<b>105.000.000</b>	<b>1.490.064.250</b>	<b>1.490.064.250</b>	<b>1.419</b>	<b>1.419</b>
- Phí, lệ phí	40.000.000	40.000.000	52.092.000	52.092.000	130	130
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			373.995.000	373.995.000		
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu hồi các khoản chi năm trước						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			1.036.270.000	1.036.270.000		
- Thu khác	65.000.000	65.000.000	27.707.250	27.707.250	43	43
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>21.345.000.000</b>	<b>4.170.000.000</b>	<b>21.249.934.003</b>	<b>4.426.832.892</b>	<b>100</b>	<b>106</b>
<b>1. Các khoản thu phân chia</b>	<b>6.945.000.000</b>	<b>1.505.000.000</b>	<b>10.212.235.819</b>	<b>2.171.532.318</b>	<b>147</b>	<b>144</b>
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	280.000.000	140.000.000	313.883.654	156.941.867	112	112
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	40.000.000	40.000.000	43.650.000	43.650.000	109	109
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	6.625.000.000	1.325.000.000	9.854.702.165	1.970.940.451	149	149
<b>2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</b>	<b>14.400.000.000</b>	<b>2.665.000.000</b>	<b>11.037.698.184</b>	<b>2.255.300.574</b>	<b>77</b>	<b>85</b>
- Thuế giá trị gia tăng	550.000.000	165.000.000	477.608.935	143.282.711	87	87
- Thuế TNDN						
- Thuế thu nhập cá nhân từ hộ	1.350.000.000					
- Thu nhập cá nhân từ đất	12.500.000.000	2.500.000.000	10.560.089.249	2.112.017.863	84	84
- Thu phạt trong lĩnh vực thuế						
<b>III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						



<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>	<b>24.379.240.849</b>	<b>24.379.240.849</b>	<b>24.379.240.849</b>	<b>24.379.240.849</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
<b>V. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>	<b>948.946.611</b>	<b>948.946.611</b>	<b>948.946.611</b>	<b>948.946.611</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
<b>VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>1.266.173.300</b>	<b>1.266.173.300</b>	<b>1.266.173.300</b>	<b>1.266.173.300</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
- Bổ sung cân đối ngân sách	697.249.000	697.249.000	697.249.000	697.249.000	100	100
- Bổ sung có mục tiêu	568.924.300	568.924.300	568.924.300	568.924.300	100	100





**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ**  
Năm 2022

Khoản mục	Dự toán			Ước thực hiện			Đơn vị tính: đồng		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>Tổng chi</b>	<b>30.206.199.357</b>	<b>5.854.194.803</b>	<b>24.352.004.554</b>	<b>29.857.212.954</b>	<b>5.854.194.803</b>	<b>24.003.018.151</b>	<b>99</b>	<b>100</b>	<b>99</b>
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	665.608.436		665.608.436	664.926.436		664.926.436	100	100	100
- Chi dân quân tự vệ	407.598.436		407.598.436	407.598.436		407.598.436	100	100	100
- Chi trật tự an toàn xã hội	258.010.000		258.010.000	257.328.000		257.328.000	100	100	100
2. Chi giáo dục	2.939.327.000	2.939.327.000		2.939.327.000	2.939.327.000		100	100	
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế									
5. Chi văn hóa, thông tin	165.022.000	93.322.000	71.700.000	165.022.000	93.322.000	71.700.000	100	100	100
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	48.571.440		48.571.440	47.171.440		47.171.440	97		97
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	1.061.693.803	1.057.123.803	4.570.000	1.061.693.803	1.057.123.803	4.570.000	100	100	100
- Giao thông	131.841.000	131.841.000		131.841.000	131.841.000		100	100	
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	429.852.803	425.282.803	4.570.000	429.852.803	425.282.803	4.570.000	100	100	100
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch	500.000.000	500.000.000		500.000.000	500.000.000		100	100	
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.356.474.244	978.339.000	4.378.135.244	5.116.621.841	978.339.000	4.138.282.841	96	100	95
Trong đó: Quỹ lương				3.257.591.516		3.257.591.516			
10.1. Quản lý Nhà nước	3.508.471.105	978.339.000	2.530.132.105	3.268.707.174	978.339.000	2.290.368.174	93	100	91
10.2. Hội đồng nhân dân	348.631.820		348.631.820	348.631.820		348.631.820	100		100
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	661.767.000		661.767.000	661.678.528		661.678.528	100		100
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	269.040.968		269.040.968	269.040.968		269.040.968	100		100
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	133.832.820		133.832.820	133.832.820		133.832.820	100		100
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	93.074.965		93.074.965	93.074.965		93.074.965	100		100
10.7. Hội Cựu chiến binh	136.989.285		136.989.285	136.989.285		136.989.285	100		100
10.8. Hội Nông dân	108.867.481		108.867.481	108.867.481		108.867.481	100		100
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	8.940.000		8.940.000	8.940.000		8.940.000	100		100
10.10. Hội Người cao tuổi	27.854.800		27.854.800	27.854.800		27.854.800	100		100
10.11. Hội khuyến học	16.092.000		16.092.000	16.092.000		16.092.000	100		100



10.12. Chi hội đặc thù	42.912.000		42.912.000	42.912.000		42.912.000	100		100
11. Chi cho công tác xã hội	1.108.359.000	786.083.000	322.276.000	1.100.251.000	786.083.000	314.168.000	99	100	97
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ - Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa	122.228.000		122.228.000	114.120.000		114.120.000	93		93
- Hỗ trợ cải thiện nhà ở cho người có công	160.000.000		160.000.000	160.000.000		160.000.000	100		100
- Khác	826.131.000	786.083.000	40.048.000	826.131.000	786.083.000	40.048.000	100	100	100
12. Chi khác									
13. Dự phòng	98.944.000		98.944.000						
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	18.762.199.434		18.762.199.434	18.762.199.434		18.762.199.434	100		100



Số: 14/TB-UBND

Xã Quyết Thắng, ngày 10 tháng 01 năm 2023

**THÔNG BÁO**

**Về việc niêm yết công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách  
Xã Quyết Thắng năm 2022**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND Xã Quyết Thắng Thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2022 như sau:

**1. Nội dung niêm yết công khai**

- Cân đối thu chi ngân sách xã năm 2022 (Biểu số 113)
- Ước thực hiện thu ngân sách xã năm 2022 (Biểu số 114)
- Ước thực hiện chi ngân sách xã năm 2022 (Biểu số 115)

**2. Hình thức công khai**

- Niêm yết công khai tại trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường;
- Thông báo bằng văn bản cho phòng Tài chính kế hoạch thành phố Thái Nguyên, thường trực Đảng ủy, HĐND, UB MTTQ, các tổ chức chính trị xã hội và tổ trưởng các tổ dân phố trong xã;
- Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Xã Quyết Thắng

**3. Thời gian công khai:** 30 ngày liên tục kể từ ngày 10/01/2023 đến hết ngày 09/02/2023.

Trong thời gian niêm yết các ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội và các cá nhân có ý kiến phản ánh bằng văn bản gửi về văn phòng UBND Xã Quyết Thắng.

Vậy UBND Xã Quyết Thắng thông báo tới toàn thể nhân dân được biết, đến tại trụ sở UBND xã để xem niêm yết công khai thu chi ngân sách phường năm 2022 theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Phòng TC-KH thành phố TN;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- MTTQ xã;
- Các tổ chức chính trị xã;
- Trụ sở UBND xã;
- Các xóm;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Huy Hòa